

Bản án số: 68/2024/DS-ST

Ngày: 23/8/2024

Về việc: Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thu Hà** - Thẩm phán Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm.

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông **Trần Ngọc Thịnh** và Ông **Nguyễn Văn Kinh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Linh Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Hạnh Ngân** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 76/2024/TLST-DS ngày 09/04/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2024/QĐXXST-DS ngày 21/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2024/QĐDS-ST ngày 16/7/2024, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 05/2024/TBPT-DS ngày 17/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2024/QĐDS-ST ngày 02/8/2024, giữa:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng **TMCP T**. Trụ sở: Số 266 - 268 N, phường V, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức T.D – Chức vụ: Tổng Giám đốc. Đã ủy quyền cho: Công ty TNHH MTV Q (Công ty B), theo Giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022. Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Lê Ngọc T – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thanh H theo Giấy ủy quyền số 3251/2024/UQ-TGD ngày 10/7/2023.

(Ông H vắng mặt tại phiên tòa)

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Thanh S. Sinh năm 1990. HKTT: Số 55 ngõ P, phường B, quận K, thành phố Hà Nội.

(Ông S vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo đơn khởi kiện ngày 28/3/2024 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:***

Ngày 15/07/2021, ông S có ký với Ngân hàng TMCP T (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu

nhập của ông S, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 25,000,000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông S đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 59,164,678 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông S đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 35,857,910 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông S vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông S vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 11/09/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông S có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông S vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc Ông Nguyễn Thanh S phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 22/12/2023 là 47,214,974 đồng, trong đó: Nợ gốc là 29,355,158 đồng; nợ lãi quá hạn là 17,859,816 đồng.

- Ông Nguyễn Thanh S có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 08/09/2023 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

****Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không đến Tòa, không giao nộp văn bản ý kiến cũng như không giao nộp tài liệu, chứng cứ liên quan vụ việc.***

***Tại phiên tòa:** Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, về số liệu các khoản nợ tính đến hết ngày 16/8/2024, đề nghị HĐXX giải quyết cụ thể như sau: tổng số tiền còn nợ là 56.564.664 đồng, trong đó nợ gốc là 29,355,158 đồng; nợ lãi quá hạn là 27.209.506 đồng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm** phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành hòa giải, thu thập chứng cứ và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án đến khi phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đã chấp hành pháp luật theo các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau phần tranh luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật trong vụ án:

[1.1]. Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng giữa pháp nhân và một cá nhân, mục đích vay vốn của bị đơn nhằm phục vụ nhu cầu tiêu dùng của cá nhân, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp về dân sự.

[1.2]. Bị đơn đăng ký thường trú tại số 55 ngõ P, phường B, quận K, Hà Nội. Ngày 24/5/2024, Công an phường B cung cấp thông tin ông S có đăng ký thường trú nhưng không ăn ở sinh hoạt thường xuyên tại 55 ngõ P (*chỉ có mẹ để ông S ăn ở sinh hoạt tại 55 ngõ P*), hiện đang ăn ở sinh hoạt thường xuyên tại số 2 phố T, phường G, quận K, thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, Công an phường G cung cấp thông tin Ông Nguyễn Thanh S chưa từng sinh sống trên địa bàn phường G.

Căn cứ vào Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm thụ lý và giải quyết vụ án về “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng” là đúng thẩm quyền.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

[2.1]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa, không giao nộp văn bản ý kiến, tài liệu chứng cứ, HĐXX thấy rằng bị đơn đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ theo quy định theo Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2.2]. Ngày 16/7/2024, 02/8/2024, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa, không có văn bản ý kiến mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng, ngày 23/8/2024, HĐXX tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Giao dịch dân sự cung cấp tín dụng theo hình thức thẻ tín dụng cá nhân loại hình thẻ tín dụng Visa Credit Classic được ký kết giữa M và Ông Nguyễn Thanh S có hình thức bằng văn bản có tiêu đề “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 15/7/2021” (BL31, 32, 33, 34), các chủ thể ký kết tự nguyện, đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật. Do vậy, giao dịch dân sự cung cấp tín dụng theo hình thức thẻ tín dụng đã ký kết không vi phạm các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự.

[3.2]. Nội dung thỏa thuận giao dịch dân sự thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng 25.000.000 đồng giữa hai bên cụ thể, chi tiết tại “Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của M có hiệu lực từ 29/11/2019” (BL20 - 29).

[3.2.1]. Theo đó, về việc tính lãi trong hạn được quy định tại Điều 23 “Cách tính lãi”;

[3.2.3]. Việc áp dụng lãi suất của thẻ tín dụng Visa Credit Classic được quy định tại văn bản “Quyết định vv ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ Thẻ M phát hành tại Việt Nam số 2339/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019” với nội dung lãi suất 31.2%/năm đối với thẻ tín dụng Visa Credit Classic.

[3.3]. Về việc thực hiện giao dịch tín dụng: Tài liệu “Tóm tắt Sao kê” chi tiết giao dịch khách hàng đề ngày 04/8/2023 (BL65) do M giao nộp cho thấy: Bị đơn sử dụng thẻ tín dụng Visa Credit Classic có số thẻ 472074 – 2818 bắt đầu vào ngày 10/8/2021 và kết thúc chi tiêu cũng như thanh toán vào ngày 10/9/2022.

- Tổng số tiền bị đơn đã chi tiêu là: 59.164.678 đồng

- Ngày 10/9/2022: khoản nợ của bị đơn chuyển sang nợ quá hạn, đồng thời thẻ tín dụng chấm dứt hiệu lực sử dụng.

Bị đơn đã không thanh toán số tiền còn nợ cho ngân hàng từ ngày 11/9/2022 với số tiền cuối kỳ 29.355.158 đồng tương ứng số tiền nợ gốc đến nay, như vậy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền.

Thời gian bị đơn không thực hiện việc trả nợ lãi tính từ ngày 10/10/2022 đến phiên tòa sơ thẩm 23/8/2024 là 01 năm 11 tháng 13 ngày tương ứng 713 ngày. Khoản lãi quá hạn bị đơn chưa trả cho nguyên đơn = 29.355.158 đồng x 31,2%/năm x 150% x 713 ngày : 365 ngày = 27.209.506 đồng

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn có nghĩa vụ trả nợ với số liệu tại phiên tòa có cơ sở, được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;
- khoản 3 Điều 40, Điều 117, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;
- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;
- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTƯQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP T đối với bị đơn – Ông Nguyễn Thanh S:

1.1. Buộc Ông Nguyễn Thanh S phải trả cho Ngân hàng TMCP T tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 23/8/2024 là **56.564.664 đồng (Năm mươi sáu triệu, năm trăm sáu mươi bốn nghìn, sáu trăm sáu mươi bốn đồng)** trong đó nợ gốc 29,355,158 đồng; nợ lãi quá hạn 27.209.506 đồng

1.2. Buộc Ông Nguyễn Thanh S có nghĩa vụ thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 24/8/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 15/7/2021” và “Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của M có hiệu lực từ 29/11/2019”.

2. Án phí:

2.1. Ngân hàng TMCP T được trả lại 1.180.000 đồng (Một triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm. Biên lai tạm ứng án phí số 0006417 ngày 09/4/2024.

2.2. Ông Nguyễn Thanh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.828.233 đồng (Hai triệu, tám trăm hai mươi tám nghìn, hai trăm ba mươi ba đồng)

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật: *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hoàn Kiếm;
- Chi Cục Thi hành án DS
quận Hoàn Kiếm;
- Tòa án NDTP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THU HÀ